

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các điều 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;  
Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;  
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 22/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và nuôi con chung, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Ông **Đoàn Thanh D**, sinh năm 1983. Địa chỉ: Tổ 19, phường Hòa Q, quận Ngũ Hành S, thành phố Đà Nẵng và bà **Võ Thị Cẩm K**, sinh năm 1991. Địa chỉ: Tổ 19, phường Hòa Q, quận Ngũ Hành S, thành phố Đà Nẵng.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng ông Đoàn Thanh D và bà Võ Thị Cẩm K kết hôn vào năm 2013, đăng ký kết hôn tại UBND phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 7 năm 2022 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên hai vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2022 đến nay. Tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hai vợ chồng không thể sống chung với nhau được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông, bà được thuận tình ly hôn. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa ông D và bà K đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông, bà là phù hợp.

[2] Về quan hệ con chung: Ông D và bà K xác định vợ chồng có 02 con chung; Đoàn Thanh P, sinh ngày 05/01/2016 và Đoàn Thanh L, sinh ngày 17/11/2017. Thuận tình ly hôn ông bà thỏa thuận bà K trực tiếp nuôi hai con, ông D tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 5.000.000 đồng (mỗi con 2.500.000/01 tháng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 5 năm 2023 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Sự tự nguyện thỏa thuận về việc nuôi dưỡng con chung sau ly hôn của ông bà là phù hợp pháp luật nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật HN&GD chấp nhận thỏa thuận của ông bà.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

[4] Nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

[5] Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình: 300.000 đồng, ông D và bà K mỗi người tự nguyện chịu 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0009584 ngày 30/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng (ông D và bà K đã nộp đủ lệ phí hôn nhân và gia đình).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đoàn Thanh D và bà Võ Thị Cẩm K thuận tình ly hôn.

- Về quan hệ con chung: Giao con Đoàn Thanh P, sinh ngày 05/01/2016 và Đoàn Thanh L, sinh ngày 17/11/2017 cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng (mỗi con 2.500.000/01 tháng), thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 5 năm 2023 cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Ly hôn, các bên đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

2. Lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình: 300.000 đồng, ông D và bà K mỗi người tự nguyện chịu 150.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0009584 ngày 30/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng (ông D và bà K đã nộp đủ lệ phí hôn nhân và gia đình).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND quận Ngũ Hành Sơn;
- UBND phường Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng;  
(Giấy chứng nhận kết hôn số 208/2013, quyền số 01/2013 đăng ký ngày 27/12/2013).
- Lưu hồ sơ

**THẨM PHÁN**

**Lê Văn Lâm**